

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/DS-ST
Ngày: 09-03-2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2017/TLST-DS ngày 28/11/2017, về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-DS ngày 13/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Ông Lê B, sinh năm: 1937 và bà Trần Thị Thu N, sinh năm: 1968;

Cùng địa chỉ: khu phố B, phường S, thành phố T, Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt, đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Yêu cầu bà N, ông B phải trả số tiền mua xe còn nợ là 11.200.000 đồng, lãi suất 20% trên 01 năm từ ngày nợ 22/10/2017 cho

đến khi trả xong, và tiếp tục tính lãi sau khi tòa xử có bản án. Yêu cầu giải quyết vắng mặt cho đến khi có bản án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022, bị đơn ông Lê B, bà Trần Thị Thu N trình bày: Trước đây, ông bà có mua của bà Hồ Thị Thanh S 01 chiếc xe máy nhưng lâu lắm rồi, không nhớ rõ năm nào. Đến ngày 22/10/2017, ông bà có viết giấy xác nhận nợ còn nợ lại bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe là 11.200.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 21/11/2021, ông bà đã lên gặp bà S, đem xe lên cân trừ nợ là 4.000.000 đồng và trả thêm cho bà S 5.000.000 đồng nữa là hết nợ. Giữa ông bà và bà S thống nhất là đã giải quyết xong, không còn nợ gì bà S nữa. Bà S hứa sẽ xuống Tòa rút đơn, không kiện nữa. Nay bà S yêu cầu ông bà trả nợ, ông bà không chấp nhận. Vì điều kiện sức khỏe, ông bà không thể sắp xếp đến Tòa được nên đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt ông bà cho đến khi có bản án có hiệu lực của Tòa.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 357, 430, 431, 433, 434, 440, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn phải trả cho bà S số tiền mua xe còn nợ và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 11.200.000 đồng kể từ ngày nợ cho đến ngày 21/11/2021 trả được 9.000.000 đồng, trừ số tiền bị đơn đã trả được vào nợ gốc; lãi tính tiếp theo trên nợ gốc còn lại là 2.200.000 đồng từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: Ông B, bà N mỗi người phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm; nhưng ông B là người cao tuổi nên được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt và đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Căn cứ Giấy xác nhận nợ ngày 22/10/2017 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp thể hiện: “Bà Trần Thị Thu N mua xe còn nợ lại: 11.200.000 đồng, lãi suất 02%/tháng. Mỗi tháng bà N đồng ý trả 1.500.000 đồng tiền góp và tiền lãi 02/tháng”. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã yêu cầu các đương sự cung cấp

“Hợp đồng mua bán xe máy” được xác lập giữa hai bên nhưng các bên không cung cấp được. Xét thấy: Dù các bên không cung cấp được Hợp đồng mua bán xe, thông tin xe và các giấy tờ có liên quan nhưng căn cứ giấy nhận nợ và ý kiến trình bày của bị đơn cũng thừa nhận có mua xe của bà S; HĐXX xác định giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn ông Lê B, bà Trần Thị Thu N có xác lập giao dịch mua bán xe, ràng buộc trách nhiệm của các bên.

[4] Mặc dù, Giấy nhận nợ ngày 22/10/2017 không thể hiện được bà Trần Thị Thu N, có năm sinh, cư trú tại địa chỉ nào, nhưng trong đơn khởi kiện bà S đã cung cấp được địa chỉ của bà N. Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định được bà N dù không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú nhưng có sống tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp cùng ông Lê B vào thời điểm xác lập hợp đồng mua bán, và cũng xác định tại địa chỉ này, ngoài bị đơn không có ai khác tên là Lê B, Trần Thị Thu N. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022, ông B, bà N xác định hiện ông bà đang sinh sống và cư trú tại địa chỉ này. Giấy nhận nợ ngày 22/10/2017 cũng không thể hiện ông Lê B cùng với bà Trần Thị Thu N mua xe của bà S nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022, ông B thừa nhận ông và bà N có mua xe của bà S và thừa nhận có nợ số tiền 11.200.000 đồng như giấy nhận nợ. Do đó, có cơ sở xác định: Bà Trần Thị Thu N, ông Lê B có mua xe của bà Hồ Thị Thanh S và đến ngày 22/10/2017 còn nợ lại số tiền 11.200.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ, ông B, bà N không trả nợ cho bà S là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nên bà S khởi kiện yêu cầu ông B, bà N phải trả số tiền mua xe còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, ngày 21/11/2021 ông B, bà N đã trả được cho bà S số tiền tổng cộng là 9.000.000 đồng (sau khi 02 bên thỏa thuận cầm trù xe và trả thêm tiền), có giấy tờ hai bên cùng ký và đều xác nhận. Số tiền 9.000.000 đồng bị đơn đã trả này được trừ vào khoản nợ gốc 11.200.000 đồng, nên số nợ gốc còn lại sau ngày 21/11/2021 là 2.200.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Giấy xác nhận nợ ngày 22/10/2017, các bên thỏa thuận lãi suất 02%/tháng là vượt quá lãi suất được giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được điều chỉnh lại theo mức 20%/năm, như sau:

[7] Tiền lãi từ ngày 22/10/2017 đến ngày 21/11/2021 (trả được 9.000.000 đồng) là $(04 \text{ năm } 29 \text{ ngày} \times 11.200.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) = 9.140.444 \text{ đồng}$.

[8] Tiền lãi từ ngày 21/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09/3/2022 trên số tiền gốc còn lại là $(03 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} \times 2.200.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}) = 129.554 \text{ đồng}$.

[9] Tổng cộng gốc và lãi ông Lê B, bà Trần Thị Thu N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 11.469.998 đồng.

[10] Về án phí: Bị đơn ông Lê B, bà Lê Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật (mỗi người chịu 1/2). Tuy nhiên, ông B là người cao

tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 357, 430, 431, 433, 434, 440, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn ông Lê B và bà Trần Thị Thu N phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe máy còn nợ tính đến ngày 09/3/2022, tổng cộng là 11.469.998 đồng (*Mười một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm chín mươi tám đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 2.200.000 đồng, tiền lãi là 9.269.998 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn phải chịu 573.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người chịu ½). Tuy nhiên, ông Lê B là người cao tuổi nên được miễn án phí; bà Trần Thị Thu N phải chịu 287.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009715 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Khắc Hiếu

Lương Công Hạnh

Trần Lê Mai

Mặc dù, Giấy nhận nợ không thể hiện được bà Trần Thị Thu N, có năm sinh, cư trú tại địa chỉ nào, nhưng trong đơn khởi kiện bà S đã cung cấp được địa chỉ của bà N. Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định được bà N dù không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú nhưng có sống tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp cùng ông Lê B vào thời điểm xác lập hợp đồng mua bán, và cũng xác định tại địa chỉ này, ngoài bị đơn không có ai khác tên là Lê B, Trần Thị Thu N. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa làm việc là cố tình trốn tránh nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

Do đó, căn cứ Giấy xác nhận nợ có xờ sở xác định: Bà Trần Thị Thu N có mua xe của bà Hồ Thị Thanh S và đến ngày 22/10/2017 còn nợ lại số tiền 11.200.000 đồng. Đến nay, bà N không trả nợ cho bà S là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 440 BLDS nên bà S yêu cầu khởi kiện buộc bà N phải trả số tiền mua xe còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

Ngoài việc khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số nợ trên, bà S còn khởi kiện yêu cầu ông Lê B phải cùng bà N có trách nhiệm trả nợ số tiền này. Xét thấy: Giấy xác nhận nợ chỉ có ghi tên và chỉ có một mình bà N ký. Tòa án cũng đã triệu tập nhưng ông B không đến Tòa và không có ý kiến thừa nhận có nợ số tiền này nên không có cơ sở buộc ông Lê B phải cùng bà N trả cho bà S số tiền còn nợ.

